TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DSST
Ngày 22-3-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường, ông Nguyễn Văn Thụ.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2022/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

Ông Đặng Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1970 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là ông Trịnh Văn T trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ông có cho vợ chồng ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q vay tiền làm 3 lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28/2/2015 (âm lịch), cho vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Lần thứ hai: Ngày 24/4/2015 (âm lịch), cho vay 673.000.000 đồng (Sáu trăm bẩy mươi ba triệu đồng).

Lần thứ ba: Ngày 06/8/2020 (âm lịch), cho vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Tổng số tiền ông cho vợ chồng L – Q vay là 923.000.000 đồng.

Ngày 14/4/2021 vợ chồng ông L, bà Q đã trả cho ông được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), đồng thời hai bên ký với nhau một văn bản thỏa thuận (chốt nợ). Theo đó từ ngày 14/4/2021 vợ chồng ông L, bà Q còn nợ của ông 723.000.000 đồng, ấn định thời hạn phải trả khoản nợ làm 3 đợt là:

Đợt 1: Ngày 30/12/2021 trả 241.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 30/6/2022 trả 241.000.000 đồng.

Đợt 3: Ngày 30/12/2022 trả 241.000.000 đồng.

Văn bản thỏa thuận nợ không thể hiện lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận miệng là phải trả lãi theo lãi suất của ngân hàng nhà nước.

Tuy vậy, đến thời hạn thanh toán phía vợ chồng ông L, bà Q không trả tiền. Mặc dù ông đã đôn đốc nhiều lần nhưng phía ông L chỉ nói là chưa có tiền trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn L và bà Đỗ Thị Q phải trả số tiền nợ gốc 723.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/4/2021 đến ngày xét xử vụ án theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là ông Đặng Văn L trình bày:

Do quan hệ gia đình (ông Trịnh Văn T là họ hàng bên vợ) nên từ nhiều năm trước vợ chồng ông đã nhiều lần vay tiền của ông T để kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình. Sau nhiều lần vay và trả, ngày 14/4/2021 hai bên có làm việc và chốt nợ với nhau bằng văn bản, theo văn bản này thì vợ chồng ông còn nợ của ông Trịnh Văn T số tiền 723.000.000 đồng, thời hạn trả nợ làm 3 đợt như trên, văn bản chốt nợ không thể hiện lãi suất nhưng thực tế các bên có thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng nhà nước. Do công việc làm ăn không thuận lợi nên hiện tại vợ chồng ông không có tiền để trả nợ cho ông T. Nay ông Trịnh Văn T kiện đòi tiền thì vợ chồng ông đồng ý có trách nhiệm trả nhưng xin được trả dần vì kinh tế đang rất khó khăn, không thể trả một lần được.

Đối với bà Đỗ Thị Q (là đồng bị đơn): Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn 15 ngày ấn định gửi ý kiến cho Tòa án nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của bà Q. Nhiều lần Tòa án triệu tập bà Q tham gia các phiên họp và phiên hòa giải nhưng bà đều vắng mặt không lý do. Do vậy Tòa án không thu thập được lời khai của bà Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị X trình bày:

Bà nhất trí với các lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T. Yầu Tòa án tuyên buộc ông Đặng Văn L và bà Đỗ Thị Q phải trả số tiền nợ gốc 723.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Số nợ của vợ chồng ông L, bà Q là tài sản chung của vợ chồng bà, bà nhất trí để ông Trịnh Văn T đại diện khởi kiện đối với vợ chồng ông L, bà Q. Bà không yêu cầu ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q phải chịu trách nhiệm riêng gì đối với cá nhân bà.

Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được (vì bị đơn vắng mặt).

Tại phiên toà hôm nay:

Ông Trịnh Văn T là nguyên đơn vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi tiền đối với ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q.

Bị đơn là ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q vắng mặt lần thứ 2 (không lý do).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T: Buộc ông Đặng Văn L và bà Đỗ Thị Q trả cho ông Trịnh Văn T số tiền nợ gốc là 723.000.000 đồng.

- Về tiền lãi: Buộc ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q phải trả tiền lãi cho ông Trịnh Văn T cụ thể như sau:

+ Đối với khoản vay hết hạn vào ngày 30/12/2021 là: 241.000.000 đồng x 10%/365 x 447 ngày = 29.514.000 đồng.

+ Đối với khoản vay hết hạn vào ngày 30/6/2022 là: 241.000.000 đồng x 10%/365 x 265 ngày = 17.497.000 đồng.

+ Đối với khoản vay hết hạn vào ngày 30/12/2022 là: 241.000.000 đồng x 10%/365 x 82 ngày = 5.414.000 đồng.

Tổng tiền lãi là: 52.425.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 775.425.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Đặng Văn L, bà Đặng Thị Q phải chịu 35.017.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa ông Trịnh Văn T và ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, do các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Bị đơn ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q là người có địa chỉ thường trú tại thị trấn Phương Sơn, huyện Lục Nam, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, ngày 21/10/2022 ông Trịnh Văn T có đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt:

Bị đơn là ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị X đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông L, bà Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L, bà Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 14/4/2021 thể hiện ông Trịnh Văn T là bên cho vay, ông Đặng Văn L và bà Đỗ Thị Q là bên vay tiền, số tiền vay 723.000.000 đồng, thời hạn thanh toán cụ thể làm 3 đợt:

Đợt 1: Ngày 30/12/2021 trả 241.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 30/6/2022 trả 241.000.000 đồng.

Đợt 3: Ngày 30/12/2022 trả 241.000.000 đồng.

Văn bản thỏa thuận nợ không thể hiện lãi suất.

Bị đơn là ông Đặng Văn L xác nhận trước đây có vay tiền của ông Trịnh Văn T nhiều lần. Đến ngày 14/4/2021 ông có ký văn bản chốt nợ khoản tiền 723.000.000 đồng với ông Trịnh Văn T. Ông xác nhận đúng chữ viết và chữ ký trong văn bản thỏa thuận (chốt nợ) là của mình.

Do vậy có đủ căn cứ xác định giao dịch là có thật do được cả hai bên thừa nhận, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất (các bên thừa nhận có thỏa thuận miệng với nhau là có tính lãi nhưng không ghi cụ thể trong giấy vay tiền), không có tài sản đảm bảo, nội dung hợp đồng là sự thỏa thuận tự nguyện của hai phía. Xét thấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với nhau, nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Cụ thể là cả 3 đợt trả tiền vào các ngày 30/12/2021; 30/6/2022 và 30/12/2022 phía ông L, bà Q chưa trả cho ông Trịnh Văn T được khoản tiền gốc, tiền lãi nào. Do vậy việc nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền nợ gốc là có căn cứ, cần được chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Về yêu cầu đòi tiền lãi:*

Tại văn bản thỏa thuận (chốt nợ) ngày 14/4/2021 không thể hiện lãi suất, tuy nhiên các bên thừa nhận là có thỏa thuận về lãi. Tranh chấp phát sinh do ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q không trả tiền nợ gốc cho ông T nên cần buộc vợ chồng ông L, bà Q phải trả tiền lãi cho ông T là phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể trả lãi (tính từ ngày phải trả tiền đến ngày xét xử) như sau:

- Đợt 1: Từ ngày 30/12/2021 – 22/3/2023, thời gian tính lãi là 01 năm 02 tháng 22 ngày x 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng; 0,027%/ngày) = 24.100.000 + 4.000.600 + 1.431.540 = 29.532.140 đồng.

- Đợt 2: Từ ngày 30/6/2022 – 22/3/2023, thời gian tính lãi là 08 tháng 22 ngày x 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng; 0,027%/ngày) = 16.002.400 + 1.431.540 = 17.433.940 đồng.

- Đợt 3: Từ ngày 30/12/2022 – 22/3/2023, thời gian tính lãi là 02 tháng 22 ngày x 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng; 0,027%/ngày) = 4.000.600 + 1.431.540 = 5.432.140 đồng.

Tổng tiền lãi là: 52.398.220 đồng.

Tổng cả gốc và lãi phải trả là: 775.398.220 đồng.

[3] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Khoản vay 723.000.000 đồng là khoản nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Đặng Văn L và bà Đỗ Thị Q. Ông L xác định bà Q có biết về khoản vay này, số tiền vay được sử dụng cho nhu cầu của gia đình và xác định đây là khoản nợ chung, vợ chồng có trách nhiệm cùng trả. Phía bà Đỗ Thị Q biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến gì phản hồi về yêu cầu đòi tiền của ông Trịnh Văn T và các tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp. Do vậy xác định khoản tiền vay 723.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận ngày 14/4/2021 là nợ chung của ông Đặng

Văn L, bà Đỗ Thị Q, số tiền này được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên cần buộc ông L và bà Q cùng chịu trách nhiệm trả nợ là phù hợp quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc ông Đặng Văn L, bà Đỗ Thị Q phải trả cho ông Trịnh Văn T số tiền nợ gốc là 723.000.000 đồng và tiền lãi là 52.398.220 đồng. Tổng cả gốc và lãi phải trả là**: 775.398.220** đồng *(Viết bằng chữ: Bẩy trăm bẩy mươi năm triệu ba trăm chín tám nghìn hai trăm hai mươi đồng)*.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Ông Đặng Văn L và bà Đỗ Thị Q phải chịu 35.017.000 đồng *(Viết bằng chữ: Ba mươi năm triệu không trăm mười bẩy nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Trịnh Văn T số tiền 18.600.000 *đồng (Viết bằng chữ: Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0014134 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thái Sơn